

1

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐIỆN BIÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày

tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Quy hoạch tỉnh Điện Biên
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-TTg ngày 05/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 9331/BC-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 về hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ...tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về đề nghị thông qua Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Báo cáo số .../BC-BKTNS ngày của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, với những nội dung chính như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, Kỳ họp thứ Mười ba thông qua ngày... tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh ;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ;
- Đại biểu QH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh ;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh ;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh ;
- Báo Điện Biên Phủ
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

PHỤ LỤC

Nội dung chính của Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Nghị Quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023
của HĐND tỉnh)

I. Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên, quy mô khoảng 9.539,92 km²: Có 10 đơn vị hành chính, gồm: Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà, huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Mường Ảng, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông và huyện Nậm Pồ; Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Đông giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp nước CHDCND Lào và Sơn La; Phía Tây giáp nước CHDCND Lào; Tỉnh Điện Biên có tọa độ địa lý từ 20°54' - 22°33' vĩ độ Bắc và 102°10' - 103°36' kinh độ Đông.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

(1) Quy hoạch phát triển tỉnh bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phù hợp với các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia; quy hoạch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và các định hướng phát triển theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025;

(2). Phát triển nhanh gắn với tăng trưởng xanh, hiệu quả và bền vững. Nâng cao chất lượng, năng suất, sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh; đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển nền kinh tế số và tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp, kinh tế ban đêm.

(3). Tập trung phát triển có trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh với nông lâm nghiệp là nền tảng, xây dựng là động lực và du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên 3 trụ cột chính là du lịch lịch sử - tâm linh-văn hóa; du lịch bản sắc văn hoá dân tộc, khám phá cảnh quan thiên nhiên và du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe; Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với công nghiệp chế biến sau thu hoạch, hình thành nên một chuỗi nông sản có thế mạnh của tỉnh làm nền tảng. Ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị. Xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm du lịch, nông nghiệp gắn với chuyển đổi số;

(4). Phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh để phát triển, phát huy nội lực đồng thời tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài; tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông; cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách thông thoáng thu hút đầu tư;

(5). Liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong tỉnh, tạo dựng các liên kết phát triển giữa Điện Biên và các tỉnh trong vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước; tận dụng các lợi thế về giao thương quốc tế thông qua các cửa khẩu quốc tế với các tỉnh Bắc Lào, Tây Nam Trung Quốc và các nước ASEAN;

(6). Chú trọng phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ trọng tâm; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh; phát triển văn hóa gắn với bảo đảm an sinh xã hội; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng cho yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đầu tư cho phát triển văn hóa phải đặt ngang hàng với phát triển kinh tế.

Phát huy tối đa yếu tố con người; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng cho yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; gắn giáo dục, đào tạo đội ngũ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, coi trọng giáo dục phổ cập để nâng cao trình độ dân trí của dân cư, đặc biệt là dân cư vùng nông thôn, miền núi.

(7). Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường;

(8). Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch, khắc phục các tác động tiêu cực của các xu thế kinh tế quốc tế và khu vực.

2. Tầm nhìn, mục tiêu phát triển đến năm 2030

2.1. Tầm nhìn

- Xây dựng Quy hoạch tỉnh Điện Biên với tầm nhìn đến năm 2050: Phát triển toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Là tỉnh phát triển khá của cả nước, là trọng điểm du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái quốc gia, có đẳng cấp quốc tế; người dân có thu nhập, chất lượng cuộc sống tốt, hạnh phúc; nền văn hóa tiến bộ, giàu bản sắc dân tộc. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới và khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Tư tưởng phát triển: “Phát huy tiềm năng, phát triển nhanh, vững chắc với bản sắc và giá trị lịch sử”.

- Chiến lược tổng quát phát triển là “Hạ tầng giao thông đi trước, phát triển có trọng điểm, kiến tạo các giá trị đặc sắc”.

2.2. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Điện Biên trở thành tỉnh có điều kiện kinh tế phát triển khá trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc; là trung tâm du lịch, dịch vụ của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, có năng suất và chất lượng cao kết hợp với công nghiệp chế biến, du lịch; kinh tế số đóng vai trò quan trọng trong phát triển tỉnh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới.

2.3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2021-2030 đạt 10,51%/năm, đến năm 2030, cơ cấu kinh tế ngành dịch vụ chiếm khoảng 41,2%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12,7%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42,4% (công nghiệp chiếm khoảng 12,1%).

- *Về xã hội*: Quy mô dân số toàn tỉnh đến năm 2030 đạt 802.253 dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55% vào năm 2030, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%, tỷ lệ tham gia bảo hiểm đạt 100% đến năm 2030, số trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2030 là 90%, giảm tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều xuống còn dưới 8% năm 2030;

- *Về môi trường*: Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 48% đến năm 2030, Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2030 đạt 100%, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100% đến năm 2030, trong đó 83% được sử dụng nước sạch, tỷ lệ thu gom rác thải đến năm 2030 đạt từ 95-100% đối với khu vực đô thị và đạt từ 50-70% đối với khu vực nông thôn, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 60% trở lên, 100% lưu lượng nước thải từ các khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường, tỷ lệ chất thải rắn tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thu gom, xử lý đạt chuẩn môi trường đạt 100% vào năm 2030.

- *Về không gian và kết cấu hạ tầng*

+ Đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa phấn đấu đạt trên 32%. Xây dựng TP Điện Biên Phủ trở thành đô thị xanh - sạch- văn minh, hoàn thành tiêu chí đô thị loại II.

+ Đến năm 2030 hình thành 03 thị trấn mới (TT Mường Nhé, TT Thanh Xương, TT Nậm Pồ) và hình thành 01 đô thị (đô thị Bản Phủ, huyện Điện Biên); tiếp tục phấn đấu từng bước hình thành 04 đô thị (đô thị Mường Nhà, đô thị Mường Luân, đô thị A Pa Chải, đô thị Búng Lao). Phấn đấu 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và trên 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó khoảng 20% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu).

+ Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

- *Về quốc phòng an ninh*: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của tỉnh; triển khai thực hiện các cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn

lực xã hội để xây dựng tiềm lực quốc phòng của tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, tuyệt đối trung thành với đảng, tổ quốc, và nhân dân, có trình độ và sức mạnh tổng hợp, có khả năng sẵn sàng và sức mạnh chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển KTXH với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh.

3. Các khâu đột phá phát triển

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh: Tập trung vào việc nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động... Thu hút giải phóng các nguồn lực, xây dựng giải pháp mới để tạo đột phá trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư. Trong đó xác định chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng góp phần đạt được các mục tiêu phát triển, tập trung vào tất cả các thành phần: Phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số...

Tạo dựng môi trường kinh doanh, đầu tư của tỉnh thông thoáng, minh bạch, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện mạnh mẽ các chỉ số năng lực cạnh tranh PCI, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI, chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX...;

(2) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là hệ thống giao thông; xác định đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đi trước tạo đột phá và là động lực phát triển tỉnh. Tập trung sớm đầu tư, nâng cấp và hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm. Bên cạnh đó là đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại TP Điện Biên Phủ; các thị trấn, thị tứ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững;

(3) Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất, nghiên cứu triển khai các chương trình khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chủ lực của địa phương (chè Tủa Chùa, Cà phê Mường Ảng, mắc ca tại các huyện Tuần Giáo, Mường Nhé, Mường Ảng; Điện Biên và TP Điện Biên Phủ..); nghiên cứu, phát triển các loại cây dược liệu có giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong chế biến nông, lâm sản, trồng và chế biến gỗ; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao phù hợp trong nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh. Ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số có vai trò đặc biệt quan trọng, thay đổi tư duy, cách nghĩ cách làm truyền thống sang tư duy mới, tạo đột phá trong phát triển, đặc biệt là ở các lĩnh vực nông nghiệp và du lịch, hình thành nên các phương thức sản xuất, tiêu thụ và quản lý mới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

IV. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

1.1. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển theo hướng hiện đại, bền vững gắn với phát triển nông thôn mới theo hướng sản xuất nông nghiệp theo vùng gắn với các chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp có lợi thế theo các nhóm sản phẩm chủ lực. Nâng cao chất lượng lúa, gạo đặc sản theo cánh đồng lớn; xây dựng các vùng trồng cây đặc sản, vùng sản xuất rau, củ, quả,... được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ; phát triển cây ăn quả, gia súc ăn cỏ; bảo vệ tốt diện tích có rừng, đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng cây gỗ lớn, cây dược liệu, mắc ca).

Xây dựng ngành lâm nghiệp thành một ngành kinh tế trọng điểm trong cơ cấu nông nghiệp toàn tỉnh. Phát triển cây mắc ca, trồng rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu, sản xuất nông lâm kết hợp kinh tế tuần hoàn trong lâm nghiệp, cho thuê môi trường rừng, phát triển cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững trên những khu vực có tiềm năng và tiếp cận với thị trường kinh doanh tín chỉ các-bon...

1.2. Phương hướng phát triển ngành du lịch

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, dựa trên ba trụ cột chính là: Du lịch lịch sử văn hóa; du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan thiên nhiên và du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe; phấn đấu đến năm 2030, du lịch đóng góp trên 10% GRDP của tỉnh. Đến năm 2050, Điện Biên là trọng điểm du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái quốc gia hướng tới đẳng cấp quốc tế, phát triển mạnh dịch vụ thương mại và vùng biên giới ổn định, vững chắc.

Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo, mang tính đặc thù của tỉnh, gồm:

- Du lịch lịch sử văn hóa: Nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung khai thác nhu cầu du lịch lịch sử gắn với khai thác, phát huy giá trị Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, nâng cấp lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ trở thành lễ hội - sự kiện quốc tế; Nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và các cơ sở thờ tự trên địa bàn tỉnh, phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng.

- Du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan thiên nhiên: Du lịch sinh thái gắn với hồ, rừng; chinh phục đỉnh A Pa Chải (huyện Mường Nhé); đỉnh núi Phù Lông (huyện Điện Biên Đông), vượt đèo Pha Đin,...

- Du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe: nghỉ dưỡng hồ (hồ Pá Khoang, lòng hồ thị xã Mường Lay); nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tắm khoáng nóng (U Va, Hua Pe, suối khoáng nóng Bản Sáng); thể thao, giải trí (sân golf, đua

thuyền, các môn thể mạo hiểm như dù lượn, xe đạp địa hình); tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế gắn với phát triển du lịch (việt dã, dù lượn).

- Phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ như: Du lịch biên mậu (gắn với cột mốc A Pa Chải, cửa khẩu quốc tế Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc); du lịch thương mại, công vụ; du lịch nông nghiệp gắn với các sản phẩm OCOP, nghề truyền thống, bản văn hóa du lịch cộng đồng;...

1.3. Phương hướng phát triển ngành xây dựng

- Phát triển ngành xây dựng trở thành ngành kinh tế có vai trò động lực trong phát triển tỉnh giai đoạn tới, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế tỉnh Điện Biên, đáp ứng các nhu cầu xây dựng phát triển của các ngành quan trọng khác của tỉnh như: xây dựng các dự án thủy điện, điện gió... với những công nghệ mới; xây dựng các công trình nhà ở, công trình dân dụng; xây dựng các khu du lịch đẳng cấp cao; đáp ứng nhu cầu phát triển cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy....

- Dự báo đến năm 2030, ngành xây dựng chiếm tỷ trọng khoảng 25,8% GRPD toàn tỉnh; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 32%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị đạt 100%; tỷ lệ người dân được cấp nước sạch đạt 100%; Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 70% trở lên. 100% lưu lượng nước thải từ các khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường.

1.4. Phương hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ

Phát triển ngành thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, nâng cao vai trò của ngành trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trở thành động lực tăng trưởng trong các ngành dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo việc làm, kết nối sản xuất và tiêu dùng, dẫn dắt sản xuất định hướng theo nhu cầu thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Phát triển ngành thương mại theo hướng tận dụng lợi thế so sánh của địa bàn, các cơ hội phát triển trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và mô hình thương mại chuyển đổi theo hướng đổi mới sáng tạo, số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

- Phát triển thương mại nội địa: Phát triển ngành thương mại nội địa nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn, tăng trưởng theo hướng hiện đại và bền vững, phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại theo các phương thức hoạt động hiện đại, chuyên nghiệp, thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh;

- Phương hướng phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại quốc tế: Tăng mạnh vai trò của kinh tế cửa khẩu trong phát triển kinh tế của tỉnh. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng cửa khẩu đồng bộ. Phát triển các mặt hàng đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng địa phương có lợi thế. Đa dạng hóa thị

trường xuất khẩu, tăng cường mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tăng cường đàm phán, hợp tác, đẩy mạnh xúc tiến thương mại giữa hai tỉnh.

- Phương hướng phát triển thương mại điện tử: Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính tranh tranh và phát triển bền vững.

- Phương hướng xúc tiến thương mại: Công tác xúc tiến thương mại cần đặt mục tiêu hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp của tỉnh tìm kiếm đối tác, thúc đẩy cơ hội trao đổi, mua bán giao thương hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Chú trọng hỗ trợ các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh.

1.5. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trọng tâm là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm sản lợi thế; phát triển điện năng trên cơ sở khai thác tiềm năng về điện gió, điện sinh khối, thủy điện, điện rác và các nguồn năng lượng tái tạo khác; nâng cao giá trị đóng góp của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào giá trị sản xuất của toàn tỉnh;

- Ưu tiên tập trung phát triển nhóm ngành thế mạnh, có đóng góp cao, thuộc chuỗi sản phẩm có giá trị gia tăng, nằm trong chuỗi hàng hóa chuỗi sản phẩm; liên kết địa phương, liên kết các ngành. Giai đoạn 2021-2030, tập trung phát triển các ngành: (1) Chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; (2) Sản xuất vật liệu xây dựng; (3) Sản xuất và phân phối điện; (4) Khai thác khoáng sản. Thu hút đầu tư và tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản theo hướng chế biến sâu nông lâm sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và du lịch; sản xuất vật liệu xây dựng; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, ngành sử dụng công nghệ cao ít gây ô nhiễm môi trường và có hiệu quả kinh tế;

- Bảo tồn, phát huy những ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công truyền thống của địa phương, phát triển các ngành nghề mới, sản xuất các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, sản phẩm chế biến... phục vụ phát triển nông nghiệp (công nghiệp nông nghiệp); phát triển du lịch (công nghiệp du lịch), nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp hiện trạng; bố trí các dự án mới và sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán tại các khu đô thị vào các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được duyệt. Gắn phát triển sản xuất công nghiệp với quy hoạch phát triển mới chuỗi liên kết sản phẩm, chuỗi giá trị, các vùng nguyên liệu và các vùng nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

2.1. Ngành y tế

- Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình; đủ khả năng đáp ứng

nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Nâng cấp các cơ sở y tế từ cấp xã đến cấp tỉnh về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

- Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu yên tâm công tác lâu dài tại địa phương, người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng khó khăn. Ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực phát triển ngành y tế.

2.2. Ngành giáo dục và đào tạo

- Về phát triển quy mô học sinh: Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi; duy trì và củng cố phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; giảm tối đa tỷ lệ học sinh, sinh viên bỏ học và đi học không chuyên cần. Đảm bảo quy mô giáo dục trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên kết hợp với phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ giáo dục, nâng cao các điều kiện giáo dục cho học sinh khu vực khó khăn, học sinh bán trú, dân tộc nội trú.

- Về phát triển mạng lưới trường, lớp: Phát triển mạng lưới các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đáp ứng nhu cầu của nhân dân theo hướng khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập trường tư thục ở những nơi có điều kiện. Tiếp tục phát triển hệ thống các trường Phổ thông dân tộc nội trú, Phổ thông dân tộc bán trú đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho học sinh các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Duy trì, phát huy vai trò của các trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên nhằm hỗ trợ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Về giáo dục đại học, thành lập trường Đại học Điện Biên trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng hiện có, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sơ phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh Điện Biên và các tỉnh lân cận.

- Về nâng cao chất lượng giáo dục: Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng coi trọng phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực của người học. Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh bằng việc: (i) Mở rộng các hình thức đào tạo, dạy nghề phù hợp với nhu cầu nhân lực và thị trường lao động; (ii) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nghề nghiệp, xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học; (iii) Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo với Lào,

Thái Lan, tỉnh Vân Nam Trung Quốc; gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

- Về phát triển cơ sở vật chất: Đảm bảo các cơ sở giáo dục, đào tạo được xây dựng theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hóa đạt trình độ các nước tiên tiến. Bố trí đủ quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo theo các quy định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về sử dụng đất xây dựng cơ sở vật chất và phân loại đô thị. Khuyến khích xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp tham gia đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, an toàn, bền vững..

2.3. Ngành khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất chất lượng; nhân tố quyết định tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh. Và là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, các trường học, trung tâm nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh, nhà nước thực hiện định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả toàn hệ thống. Xây dựng và phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng, làm chủ và phát triển công nghệ hiện đại. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp trên địa bàn.

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tất cả các ngành, lĩnh vực địa phương: công nghệ thông tin internet, trí tuệ nhân tạo AI, ISO điện tử, GIS online, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học...; phát triển khoa học công nghệ nông nghiệp với các loại cây trồng, kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến các sản phẩm nhằm tăng năng xuất, chất lượng sản phẩm; Đăng ký bảo hộ, nhãn mác các sản phẩm đặc trưng tỉnh đưa vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong nước và hướng tới xuất khẩu; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong chế biến, sản xuất thuốc từ dược liệu và thuốc y học cổ truyền, công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh cho nhân dân,...

2.4. Ngành lao động - việc làm, trợ giúp xã hội

- Về giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm: Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo theo hướng ứng dụng, thực hành. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Giáo dục nghề nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo.

- Về mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới công lập theo hướng tinh gọn đầu mối; củng cố, phát triển quy mô các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường đầu tư cho các trường cao đẳng nghề có ngành nghề đào tạo trọng điểm cấp Quốc Gia.

- Về an sinh xã hội

+ Lĩnh vực giảm nghèo: Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững

+ Lĩnh vực trợ giúp xã hội: Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

+ Lĩnh vực người có công: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với Người có công và thân nhân theo quy định. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người có công phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

+ Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, mua bán người, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội.

2.5. Ngành thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng bưu chính đồng bộ, hiện đại, gắn kết giữa thế giới thực và thế giới số, trở thành thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy chính phủ số, xã hội số

Nâng cấp và xây dựng tuyến truyền dẫn quan bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên vùng, liên huyện đặc biệt là liên kết các vùng kinh tế - chính trị, vùng động lực, vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên phân đầu xây dựng đô thị thông minh, hiện đại.

Ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại khu vực các tuyến phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây mới.

Khu vực được treo cáp Viễn thông: Khu vực có nhu cầu dịch vụ thấp, khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, các khu vực đồi núi gây khó khăn và không có khả năng đi ngầm cáp.

Mạng thông tin di động sẽ được phát triển theo hướng mở rộng, nâng cao chất lượng vùng phủ sóng và đa dạng hóa dịch vụ gia tăng.

Cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện lên mức độ 4. Nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đảm bảo theo quy định và yêu cầu của chuyển đổi số. Đẩy mạnh cung cấp, tiếp nhận, giải quyết các TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện Hệ thống

tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở của tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số. Triển khai dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Hội tụ các cơ quan báo chí theo mô hình Trung tâm truyền thông đa phương tiện, chuyển đổi số, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, các hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động thu thập thông tin, phân tích số liệu, sản xuất tin bài.

2.6. Lĩnh vực văn hóa, thể thao

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người tỉnh Điện Biên toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội. Bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc, các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, đặc biệt là di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, tạo điều kiện để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao, phát triển thể thao thành tích cao theo hướng bền vững, xác định một số môn thể thao có thể mạnh và phù hợp với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao thành tích thi đấu, thu hẹp khoảng cách trình độ thể thao với các tỉnh trong khu vực và toàn quốc, tham gia ngày càng nhiều các hoạt động thể dục thể thao khu vực và toàn quốc. Phát triển công tác giáo dục thể chất và thể thao trong cộng đồng, lực lượng vũ trang, nhà trường. Tập trung đầu tư phát triển thiết chế thể thao từ cấp tỉnh đến cấp xã.

2.7. Quốc phòng, an ninh

Xây dựng, phát triển tỉnh Điện Biên giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn chiến lược; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện

3.1. Hành lang kinh tế

04 trục động lực, gồm:

(1) Trục kinh tế động lực theo QL279, tuyến Cao tốc Điện Biên - Sơn La - Hà Nội, gắn với cảng hàng không Điện Biên Phủ: là trục động lực chính, quan trọng của toàn vùng. Đây là tuyến giao thông tạo sự kết nối mạnh mẽ, thông suốt giữa tỉnh Điện Biên và các tỉnh Tây Bắc, các tỉnh trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ cũng như sang nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc. Trục kinh tế này là động lực phát triển kinh tế toàn tỉnh mà trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến. Tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn Tuần Giáo, Mường Ảng, thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

(2) Trục phát triển kinh tế dọc theo QL12 là trục kết nối giữa khu vực phía Bắc với khu vực phía Nam tỉnh và kết nối sang Lào thông qua cửa khẩu Huổi Puốc, cửa khẩu Tây Trang. Tuyến này các tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn Mường Chà, Thị xã Mường Lay, thị trấn huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ. Đây cũng là tuyến giao thông cần được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn tới để phát huy lợi thế của cảng hàng không Điện Biên và tăng cường kết nối với các tỉnh lân cận.

(3) Trục phát triển kinh tế phát triển dọc theo QL6 là trục kết nối thị xã Mường Lay với khu vực huyện Tuần Giáo và các tỉnh phía Đông Nam như: Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội. Kết hợp với các tuyến trục tỉnh lộ 139, TL146, TL149B, TL100 tạo thành trục vành đai phía Đông của tỉnh liên kết các huyện, tăng cường giao lưu giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh.

(4) Trục phát triển kinh tế phát triển dọc theo QL4H kết nối với vùng phía Tây của tỉnh. Là trục giao thông quan trọng góp phần phát triển du lịch và thương mại dịch vụ, kết nối với Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu Apachai sang Trung Quốc. Tuyến này có tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn huyện Nậm Pồ, thị trấn Mường Nhé và thị trấn Mường Chà.

3.2. Vùng kinh tế - xã hội

03 Vùng kinh tế, gồm:

- Vùng kinh tế I (vùng kinh tế động lực): Bao gồm Tp. Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và Điện Biên Đông. Đây là vùng động lực phát triển đa dạng các lĩnh vực: nông lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ...

- Vùng kinh tế II: Bao gồm huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo và huyện Mường Ảng. Là vùng tập trung phát triển Kinh tế nông lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, du lịch.

- Vùng kinh tế III: Bao gồm huyện Mường Nhé, huyện Nậm Pồ, huyện Mường Chà, và thị xã Mường Lay. Là vùng tập trung Phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản, du lịch thương mại dịch vụ.

1.3. Các cực tăng trưởng

04 Cực tăng trưởng, gồm:

- Thành phố Điện Biên Phủ: là đô thị trung tâm tỉnh, trung tâm hành chính chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của Tỉnh Điện. Đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc gắn với các dự án chiến lược tạo sự đột phá gồm: Xây dựng hình ảnh đô thị Văn hóa - lịch sử và du lịch; Khu vực trung tâm động lực; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viêng Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh

- Thị xã Mường Lay: Phát triển Mường Lay thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh. Xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- Thị trấn Tuần Giáo: Phát triển Tuần Giáo thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh. Phát triển, thu hút đầu tư xây dựng các CCN để thúc đẩy kinh tế của thị trấn cũng như vùng huyện Tuần Giáo. Đầu mối của các trục giao thông đối ngoại quan trọng QL6, QL279. Có tiềm năng về phát triển du lịch, sản xuất chế biến nông lâm sản, dịch vụ thương mại.

- Thị trấn Mường Nhé: Là trung tâm vùng kinh tế số III, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái và đặc biệt là thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

3.4. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2023 - 2030

** Giai đoạn đến năm 2025:*

- Thị xã Mường Lay sáp nhập thêm 2 xã Mường-Tùng, Sá Tổng thuộc huyện Mường Chà vào thị xã Mường Lay. Thị xã Mường Lay sau khi sáp nhập có:

+ Về diện tích tự nhiên: 393,51 km² đạt 196,75% so với quy định.

+ Về quy mô dân số: 22.457 người đạt 44,91% so với quy định.

+ Số đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 02 phường và 03 xã.

- Thành phố Điện Biên Phủ: Phường Thanh Trường: Sáp nhập một phần diện tích xã Thanh Nưa và xã Thanh Luông về phường Thanh Trường. Phường Thanh Bình: Sáp nhập một phần diện tích phường Thanh Trường về phường Thanh Bình. Thành phố Điện Biên Phủ sau sắp xếp có 314,78 km² về diện tích đạt 209,85% so với quy định và 90.872 người đạt 121% so với quy định, có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm: 05 xã và 07 phường.

** Giai đoạn 2026-2030:*

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Phương án phát triển mạng lưới đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên có:

- 01 đô thị loại II: TP Điện Biên Phủ, là đô thị trung tâm tỉnh, trung tâm hành chính chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của Tỉnh Điện Biên. Đô thị tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực về Dịch vụ - Thương mại - Du lịch, Công Nghiệp, Nông nghiệp công nghệ cao, Lâm nghiệp, đầu mối giao thông của tỉnh. Là đô thị được xây dựng trên mô hình đô thị gắn với sân bay.

- 02 đô thị loại IV, gồm:

+ Thị xã Mường Lay: Là cửa ngõ phía Bắc kết nối tỉnh Điện Biên với Lai Châu là đầu mối tập trung các luồng giao thông đường thủy cũng như đường bộ, phát huy vị trí thuận lợi về vị trí địa lý tập trung phát triển thương mại dịch vụ gắn với cảng và lòng hồ thủy điện.

+ Thị trấn Tuần Giáo: Là cửa ngõ phía Đông kết nối tỉnh Điện Biên với Sơn La trên cơ sở mở rộng phạm vi của đô thị Thị trấn Tuần Giáo tiếp tục đóng vai trò là trung tâm hành chính huyện Tuần Giáo (sau năm 2030 định hướng phát triển lên thành thị xã).

- 08 đô thị loại V, trong đó: TT Thanh Xương, TT Điện Biên Đông, TT Mường Ảng, TT Mường Chà, TT Tủa Chùa, TT Nậm Pồ, TT Mường Nhé, các đô thị: Bản Phủ.

2. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Các xã, thôn, bản phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất, trong đó:

- Đối với các khu vực phát triển mới: Các khu dân cư mới được sắp xếp tại vị trí thuận tiện cho sản xuất của từng khu vực. Mỗi khu dân cư được bố trí đất thương mại, đất sản xuất và đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội kết nối thuận lợi đến các khu vực đô thị và trung tâm dịch vụ.

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu: Giữ gìn không gian cảnh quan, kiến trúc công trình. Bảo tồn không gian nhà ở, công trình văn hóa truyền thống mang nét đặc trưng địa phương, đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc tại từng khu vực.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

- Đường bộ

+ Cao tốc: Quy hoạch tuyến đường cao tốc Sơn La - Điện Biên (CT.03), đoạn qua Điện Biên dài khoảng 99km, đạt quy mô 4 làn xe.

+ Quốc lộ gồm 7 tuyến: QL6, QL4H, QL12, QL279, QL279B, QL279C, QL12D, tổng chiều dài khoảng 863,93km. Định hướng kéo dài tuyến QL279C; quy hoạch bổ sung tuyến QL12D trên cơ sở nâng cấp từ các tuyến đường tỉnh. Quy mô, phân kỳ đầu tư theo quy hoạch quốc gia.

+ Đường tỉnh gồm 26 tuyến, tổng chiều dài khoảng 1.142,75km trong đó giữ nguyên chiều dài 14 tuyến đường tỉnh, điều chỉnh chiều dài 6 tuyến đường tỉnh, chuyển 2 tuyến đường tỉnh (ĐT145, ĐT.150) thành QL12D và quy hoạch bổ sung thêm 6 tuyến đường tỉnh mới. Định hướng nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường tỉnh cơ bản đạt quy mô cấp IV - V.mn.

+ Bến xe: Quy hoạch gồm 11 bến xe khách liên tỉnh phân bố tại trung tâm các huyện, TP. Ngoài ra duy trì khai thác các bến xe quy mô nhỏ lẻ phân bố trên địa bàn các huyện nhằm rút ngắn khoảng cách sử dụng vận tải của người dân các khu vực xa trung tâm.

+ Công trình logistics: Quy hoạch 01 trung tâm Logistics cấp vùng tại huyện Điện Biên, 09 trung tâm logistics tại các huyện thị và cửa khẩu là nơi trung chuyển và phân phối hàng hóa cho các địa phương trong tỉnh.

- *Đường không*

Đầu tư dự án mở rộng CHK Điện Biên với quy mô khu bay đáp ứng khai thác máy bay A320, A321 và tương đương; cải tạo nhà ga hiện hữu cùng các công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng đồng bộ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh Điện Biên nói riêng và cả vùng Tây Bắc nói chung.

- *Đường thủy*

+ Luồng tuyến: đường thủy nội địa tỉnh Điện biên thuộc tuyến thủy vùng hồ Hòa Bình – Sơn La – Lai Châu, quy hoạch tuyến thủy cấp III.

+ Cảng thủy: Đầu tư có cụm cảng Điện Biên với cỡ tàu 400 tấn, công suất 1.000T/năm gồm: cảng vùng hồ Lai Châu với công suất 700T/năm và cảng khác 300T/năm.

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới điện

- *Mạng lưới*: Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao. Từng bước thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện theo quy hoạch. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Giai đoạn 2021-2025: Công suất cực đại đến năm 2025, $P_{max} = 165$ MW, điện thương phẩm 612 GWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 12,1 %/năm.

+ Giai đoạn 2026-2030: Công suất cực đại đến năm 2030, $P_{max} = 250$ MW và tổng giá trị điện thương phẩm 955 GWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2026-2030 là 9,7 %/năm.

- *Nguồn phát điện*

+ Xây dựng mới các dự án thủy điện vừa và nhỏ với quy mô tổng công suất 634.43MW;

+ Xây dựng mới các nhà máy thủy điện tích năng với quy mô tổng công suất 3200MW.

+ Xây dựng mới các dự án điện mặt trời với quy mô tổng công suất 700MW (trong đó điện mặt trời mặt đất là 500MW, điện mặt trời áp mái và mặt nước là 200MW).

+ Xây dựng mới các nhà máy điện sinh khối (NMĐSK Quài Cang, NMĐSK Mường Mùn, NMĐSK Búng Lao, NMĐSK Áng Tở, NMĐSK Mường Mươn, NMĐSK Điện Biên) với quy mô tổng công suất 160MW.

+ Xây dựng mới các nhà máy điện rác với quy mô công suất 5MW.

+ Xây dựng mới các nhà máy địa nhiệt với quy mô công suất 155MW.

+ Xây dựng mới 13 nhà máy điện gió với quy mô công suất 2200MW.

- *Nguồn điện cấp cho tỉnh từ hệ thống truyền tải 500kV, 220kV Quốc gia*

+ Lưới điện 500KV: Xây dựng mới 02 TBA 500kV (NMĐG Điện Biên; Mường Lay) với tổng công suất 3600MVA; Dự phòng phát sinh TBA 500kV xây mới, cải tạo nâng công suất với quy mô công suất 1800MVA (Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện). Xây dựng mới 03 tuyến đường dây 500kV (mạch kép) với tổng chiều dài 820km.

+ Lưới điện 220KV: Xây dựng mới 04 TBA 220kV (Điện Biên; Điện Biên 1 (*), NMĐG Điện Biên 1+2; NMĐG ENVISION) với tổng công suất 2000MVA. Xây dựng mới 07 tuyến đường dây 220kV (mạch kép) với tổng chiều dài 330km.

- *Nguồn điện cấp cho tỉnh từ hệ thống truyền tải 110kV Quốc gia*

+ Xây dựng mới 42 TBA 110kV với quy mô tổng công suất: 1423.5MVA; và nâng công suất 05 TBA với tổng công suất sau cải tạo: 352.5MVA.

+ Xây dựng mới 64 tuyến đường dây 110kV với tổng chiều dài: 758.1km; cải tạo 02 tuyến đường dây 110kV với tổng chiều dài: 67.5km.

3. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước, thủy lợi

- *Phương án phát triển phân vùng cấp nước:* Do điều kiện địa hình của tỉnh Điện Biên tương đối phức tạp, chủ yếu là đồi núi, và bị chia cắt mạnh, dân cư phân bố lẻ tẻ gây khó khăn không nhỏ cho việc thiết kế hệ thống cấp nước liên vùng, liên huyện. Chính vì vậy, sẽ phân vùng cấp nước theo từng huyện, thị và thành phố. Với nguồn nước mặt chủ yếu khai thác từ 3 hệ thống lưu vực sông lớn như: Sông Đà, Sông Mã, và Sông Mê Kông với các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Bum, Nậm Pồ, Nậm Mực, Nậm Muối, Nậm Húa, Suối Lư, Nậm Rồn, Nậm Núa....

- *Phương án cấp nước cho các khu vực:* Cải tạo, nâng cấp 10 nhà máy cấp nước từ các công trình hiện trạng với tổng công suất dự kiến các nhà máy nước khoảng 65.000m³/ngđ; Xây dựng mới 08 nhà máy cấp nước tại các đô thị với công suất khoảng 22.370 m³/ngđ.

- *Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi*

+ Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh.

+ Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai. Cụ thể như sau:

+ Đối với tưới, cấp nước: Xây dựng phương án tổng thể bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng các ngành kinh tế - xã hội từ hệ

thống công trình thủy lợi, bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững: Phát triển giải pháp tạo nguồn, tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; cấp chủ động cho diện tích đất trồng lúa, màu; cấp nước cho các vùng đất dốc sản xuất cây hàng hóa có giá trị kinh tế cao, cấp nước cho các vùng khan hiếm nước; nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống hạn hán.

+ Đối với tiêu thoát: Xây dựng phương án đảm bảo tiêu, thoát tổng thể cho toàn vùng; đề xuất các giải pháp tiêu thoát cho các khu vực trũng thấp, các khu công nghiệp, đô thị.

+ Đối với phòng chống lũ: Đề xuất giải pháp phòng, chống lũ, ngập lụt bảo đảm an toàn dân sinh, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất; đề xuất giải pháp phòng, chống đối với sạt lở bờ sông, trên cơ sở diễn biến thực tế xảy ra tại các vùng; đề xuất định hướng nghiên cứu các giải pháp phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đối với các vùng có nguy cơ cao.

4. Phương án phát triển các khu vực xử lý chất thải

- Xây dựng 01 Khu liên hợp (KLH) tại huyện Điện Biên, với đầy đủ công nghệ: chế biến phân hữu cơ, tái chế CTR, chôn lấp CTR HVS, nhằm xử lý CTR sinh hoạt cho thành phố Điện Biên Phủ và các đô thị thuộc huyện Điện Biên và Điện Biên Đông. Xử lý CTRCN nguy hại trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng 09 khu xử lý cấp vùng huyện, xử lý cho đô thị trung tâm hành chính huyện, thị xã và khu dân cư nông thôn các xã phụ cận. Sử dụng công nghệ phân loại, thu hồi các thành phần có khả năng tái chế, chế biến phân hữu cơ tại các khu xử lý. Tập trung đầu tư lò đốt CTR sinh hoạt quy mô nhỏ (5-7 tấn/ngày) và xây dựng bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn phát sinh từ các khu, cụm du lịch được thu gom và xử lý chung với chất thải rắn đô thị.

- Riêng đối với khu xử lý chất thải, nước thải của các khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản nhà đầu tư đưa ra phương án, công nghệ xử lý đảm bảo môi trường.

5. Phương án phát triển các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và tang lễ

- Nghĩa trang đô thị: Đến năm 2030 có 12 nghĩa trang tập trung tại các khu đô thị của tỉnh Điện Biên với tổng diện tích khoảng 235 ha, trong đó nghĩa trang lớn nhất là công viên nghĩa trang thành phố Điện Biên với diện tích 100 ha (tại xã Thanh Luông, huyện Điện Biên).

- Nghĩa trang nông thôn: mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với qui mô dự kiến 5 - 10 ha; mỗi thị trấn huyện lỵ quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng (nếu hai hoặc nhiều đô thị gần nhau thì sử dụng chung một nghĩa trang). Công nghệ táng phù hợp từng địa phương (hung táng, cát táng).

6. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát PCCC & CNCH, được bố trí đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội cảnh sát PCCC & CNCH.

- Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phải đảm bảo đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc CNCH dài nhất, rộng nhất, cao nhất và nặng nhất (thường là xe thang) của lực lượng chữa cháy và CNCH tiếp cận được.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành.

- Hệ thống thông tin liên lạc PCCC & CNCH phải đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và Trung ương.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- *Lĩnh vực khám chữa bệnh và phục hồi chức năng*

- + Tuyến tỉnh: Đến năm 2030 có 05 bệnh viện tuyến tỉnh, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ Bệnh viện Y học cổ truyền thành Bệnh viện Y học cổ truyền – Điều dưỡng và Phục hồi chức năng. Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh; Thành lập mới BV chuyên khoa Sản nhi.

- + Tuyến huyện, xã: Giữ nguyên mô hình tổ chức y tế đa chức năng đối với 10 TTYT huyện/thành phố/thị xã: Điện Biên Phủ, Điện Biên, Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Mường Lay, Mường Chà, Mường Ảng, Nậm Pồ, Tuần Giáo và Mường Nhé. Thực hiện mô hình kết hợp quân dân y tại các huyện vùng sâu, vùng xa, huyện có điều kiện đi lại khó khăn như: Nậm Pồ, Tuần Giáo, Mường Nhé, Tủa Chùa....

- + Y tế ngoài công lập: Phát triển bệnh viện tư nhân và hệ thống phòng khám tư nhân có định hướng phân bổ giữa huyện trong tỉnh.

- + Quy hoạch giường bệnh: - Tăng số giường bệnh công lập toàn tỉnh từ 2.098 giường bệnh năm 2020 lên 2.400 giường đến năm 2025 và 2.935 vào năm 2030 và 3.740 giường vào năm 2050.

- + Bệnh viện Đa khoa tư nhân: Khuyến khích và thu hút đầu tư thành lập Bệnh viện tư nhân với quy mô 50 giường bệnh vào năm 2025 và 100 giường vào năm 2030. Các Bệnh viện dự kiến được xếp hạng bệnh viện đa khoa hoặc chuyên khoa hạng III. Sau năm 2030 sẽ nâng cấp lên hạng II và tổng giường bệnh tư nhân toàn tỉnh trên 200 giường.

- *Lĩnh vực dự phòng và y tế công cộng:* Tuyến tỉnh, giữ nguyên Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Giữ nguyên mô hình Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác kiểm soát bệnh tật và kiểm dịch biên giới. củng cố, nâng cấp phòng xét nghiệm đã đạt an toàn sinh học cấp 2 và tiến tới đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 vào năm 2030. Tuyến huyện: Giữ nguyên mô hình tổ chức TTYT huyện 3 chức năng điều trị, dự phòng và dân số tại 10 huyện/thị xã.

- *Lĩnh vực Dân số - KHHGD*: Giữ nguyên Chi cục Dân số - KHHGD là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực dân số trên địa bàn tỉnh. Xây dựng mô hình lồng ghép thực hiện các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số cho người dân trong địa bàn tỉnh (chăm sóc trước, trong và sau sinh, sàng lọc trước sinh.... dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...)

- *Lĩnh vực giám định y khoa và pháp y*: Giữ nguyên mô hình như hiện tại, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của 2 Trung tâm Giám định Pháp y và Giám định Y khoa.

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Đến năm học 2030-2031, toàn tỉnh có 166 trường mầm non, 143 trường tiểu học, 138 trường trung học cơ sở, 36 trường trung học phổ thông. Đối với giáo dục thường xuyên, duy trì 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên (01 cấp tỉnh và 09 cấp huyện), các trung tâm ngoại ngữ-tin học và các trung tâm học tập cộng đồng, tiếp tục duy trì 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.

Về giáo dục đại học, thành lập trường Đại học Điện Biên trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng hiện có, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh Điện Biên và các tỉnh lân cận. Sau khi thành lập, Trường Đại học Điện Biên là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trụ sở chính của trường đặt tại thành phố Điện Biên Phủ, tổng diện tích tối thiểu 60 ha. Trong giai đoạn đầu sau khi thành lập, Trường Đại học Điện Biên tiếp tục duy trì các ngành đào tạo hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng nhu cầu thực tế và phát triển quy mô đào tạo hệ đại học chính quy là 6.000 sinh viên. Trường Đại học Điện Biên đào tạo đa ngành, tập trung một số ngành chủ yếu như: Sư phạm, Du lịch, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật (ô tô, năng lượng, cơ khí)... Dự kiến địa điểm quy hoạch xây dựng trường với trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên (Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật hiện nay), và cơ sở 2 tại Tổ dân phố 1, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên (Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật hiện nay).

3. Phương án phát triển hạ tầng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có khoảng 14 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó tiếp tục duy trì và phát triển trường cao đẳng nghề tỉnh Điện Biên, trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng kinh tế kỹ thuật tỉnh, phát triển 9 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX và khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư, duy trì và phát triển cơ sở khác có hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

+ Tập trung đầu tư, phát triển trường Cao đẳng nghề Điện Biên thành trường trọng điểm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao

động, nhu cầu học tập của người lao động và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên trên địa bàn tỉnh.

- + Tập trung đầu tư, phát triển 7 trung tâm trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện nhằm đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đạt chuẩn theo quy định; đáp ứng đào tạo nghề cho lao động tại các khu vực nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số...

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

- Đầu tư trùng tu, tôn tạo, lập hồ sơ công nhận thêm các di tích đưa vào xếp hạng (di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt). Nâng cấp, bảo vệ và phát huy có hiệu quả di tích trên địa bàn tỉnh (01 di tích quốc gia đặc biệt; 14 di tích quốc gia, 14 di tích cấp tỉnh).

- Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hoá cấp tỉnh gồm: Trung tâm Văn hóa, Rạp chiếu phim, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Điện Biên, Nhà hát, Trung tâm Triển lãm tỉnh... Đối với thiết chế văn hoá cấp huyện: đảm bảo 100% huyện, thị xã, thành phố có đầy đủ Trung tâm Văn hóa – Thể thao đảm bảo tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Định hướng 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hoá, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

- Duy trì các thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh hiện có, xây dựng bảo tàng, thư viện, nhà hát ca múa nhạc dân tộc, rạp chiếu phim, trung tâm trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật, quy hoạch mới các thiết chế văn hoá, thể thao, gồm: Khu liên hợp TDTT tỉnh, khu luyện tập, thi đấu thể thao dưới nước, các trung tâm văn hoá, thể thao phục vụ công nhân ở các khu- cụm công nghiệp.

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới Trung tâm Điều dưỡng người có công và công tác xã hội; các công trình ghi công liệt sĩ.

- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở cai nghiện ma túy; khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

Tại Thành phố Điện Biên Phủ, dự kiến trở thành đô thị loại II có thể phát triển các loại hình thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, mua sắm hạng II và III, siêu thị hạng II và hạng III, mạng lưới chợ chủ yếu là nâng cấp và mở rộng hoặc hình thành các loại chợ đặc biệt như chợ đêm, chợ lễ hội phục vụ du lịch. Tại các đô thị khác hạng IV hoặc V chủ yếu phát triển siêu thị hạng III, ít nhất mỗi đô thị phát triển 01 siêu thị hạng III.

Giai đoạn 2021-2030, quy hoạch 47 chợ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trong đó có 03 chợ hạng I, 07 chợ hạng II và 37 chợ hạng III.

7. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; phát triển các cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số. Đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất.

VIII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

1. Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất

Đến năm 2030, trong tổng diện tích tự nhiên là 953.992,60 ha, đất nông nghiệp có 905.187,03 ha, chiếm 94,88% diện tích tự nhiên và tăng 21.533,67 ha so với hiện trạng năm 2020; đất phi nông nghiệp có 35.327,85 ha, chiếm 3,70% diện tích tự nhiên và thực tăng 8.467,43 ha so với hiện trạng năm 2020 và đất chưa sử dụng còn lại 13.477,72 ha, chiếm 1,41% tổng diện tích đất tự nhiên, giảm 30.001,10 ha so với hiện trạng năm 2020.

2. Phương án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng thời kỳ 2021 – 2030

Thực hiện thu hồi 68.135,11 ha, trong đó thu hồi 66.238,03 ha đất nông nghiệp và 1.897,08 ha đất phi nông nghiệp để thực hiện các mục đích quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thực hiện chuyển mục đích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 8.676,69 ha; chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 281.256,44 ha và chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở là 127,02 ha.

Khai thác khoảng 30.001,10 ha đất chưa sử dụng để sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Trên cơ sở bộ khung giao thông, vị trí và vai trò các trọng điểm đô thị, điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội, địa giới các đơn vị hành chính hiện hữu, phân vùng liên huyện phát triển tỉnh Điện Biên với 3 vùng liên huyện như sau:

a) Vùng liên huyện - vùng động lực phía Nam

Bao gồm ranh giới TP Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông. Vùng nằm dọc theo trục động lực gắn với hành lang phát triển đường cao tốc Sơn La - Điện Biên trong tương lai, QL12 và QL279 và hệ thống các đường tỉnh, đường huyện.

Là vùng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao và khoa học kỹ thuật của Tỉnh

Điện Biên. Xác định hình ảnh tương lai của đô thị năm 2030 đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh, hướng đến một khu vực đô thị phát triển bền vững có sự cân đối giữa phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, thông qua phát triển liên kết với các vùng xung quanh để xây dựng nên cơ sở hạ tầng kinh tế-kỹ thuật đô thị vững mạnh góp phần cống hiến cho phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, toàn vùng cũng như cả nước.

b) Vùng liên huyện - vùng phía Đông Bắc

Gồm ranh giới huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo và huyện Mường Ảng phát huy lợi thế về giao thông đường thủy trên sông Nậm Mực và trục QL6 để phát triển và hệ thống các đường tỉnh, đường huyện.

Là vùng cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh Điện Biên đồng thời giáp ranh với hai tỉnh Lai Châu và Sơn La. Lây nông, lâm nghiệp và chăn nuôi làm chủ đạo trong phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, thông qua phát triển liên kết với các vùng xung quanh để xây dựng nên cơ sở hạ tầng vững mạnh góp phần cho phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

c) Vùng liên huyện - vùng phía Tây Bắc

Gồm ranh giới thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà và huyện Nậm Pồ, phát huy lợi thế về sản xuất nông lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến gắn với thương mại – dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.. Được liên kết thông qua tuyến QL4H và QL12 hệ thống các đường tỉnh, đường huyện.

Với tính chất là cửa ngõ giao lưu về kinh tế đối ngoại và văn hóa - du lịch với các tỉnh Bắc Lào và Trung Quốc của Điện Biên, có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng an ninh. Khu giao thương cửa khẩu quan trọng của tỉnh với các loại hình kinh doanh gồm: xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hóa quá cảnh... Tập trung phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp chế biến, phát triển du lịch văn hóa, sinh thái, cộng đồng.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Vùng huyện Tuần Giáo: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Tuần Giáo. Là cửa ngõ phía Đông tỉnh Điện Biên với tỉnh Sơn La, nằm trên trục động lực kinh tế quốc lộ 279; và QL6. Là một trong bốn cực tăng trưởng của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; Là vùng tập trung phát triển nền kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, chăn nuôi.

b) Vùng huyện Điện Biên: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Điện Biên. Là khu vực trọng điểm về kinh tế - xã hội, trọng yếu về quốc phòng an ninh của tỉnh Điện Biên; Là cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Điện Biên và là cửa ngõ của vùng Tây Bắc và cả nước giao lưu với Lào. Điện Biên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

c) Vùng huyện Điện Biên Đông: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Điện Biên Đông. Đóng vai trò là khu vực cửa ngõ phía Đông của tỉnh Điện

Biên kết nối với Sơn La; Là vùng có tiềm năng phát triển về năng lượng điện gió; Là vùng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, du lịch.

d) Vùng huyện Mường Ảng: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Mường Ảng. Là vùng nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Điện Biên; Là vùng đệm đóng vai trò kết nối các vùng kinh tế động lực với vùng kinh tế II gắn với Tuần Giáo và Tủa Chùa.

đ) Vùng huyện Mường Chà: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Mường Chà. Là cầu nối giữa các cụm đô thị lớn của tỉnh Điện Biên như kết nối thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay với thành phố Lai Châu của tỉnh Lai Châu; Là vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nhằm tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

e) Vùng huyện Tủa Chùa: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Tủa Chùa. Là cửa ngõ phía Đông Bắc tỉnh Điện Biên với tỉnh Sơn La; Là khu vực phát triển đa dạng các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh, du lịch hang động, du lịch khảo cổ học...; Là vùng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi.

f) Vùng huyện Nậm Pồ: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Nậm Pồ. Là khu vực giáp ranh với nước Lào thuận tiện cho việc kết nối, giao thương với nước bạn của tỉnh nhà nói riêng và của cả nước nói chung; Là là điểm trung chuyển của các vùng kinh tế phía Đông, phía Nam của tỉnh đi lên cửa khẩu A pa Chải sang Trung Quốc; Là huyện có diện tích nông nghiệp lớn có điều kiện đất đai, khí hậu phù hợp với nhiều loại cây trồng (cây hàng năm, lâm nghiệp, cây lâu năm...).

g) Vùng huyện Mường Nhé: Bao gồm địa giới hành chính của toàn huyện Mường Nhé. Là khu vực có vị trí đặc biệt quan trọng đối với nền quốc phòng an ninh của tỉnh Điện Biên cũng như vùng Tây Bắc; Là huyện có đường biên giới với giáp với cả Trung Quốc và các tỉnh Bắc Lào; Là khu vực có nền kinh tế gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ thương mại, du lịch.

X. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo đảm hầu hết các loài đặc hữu, có giá trị về mặt khoa học và kinh tế được bảo tồn hiệu quả; phần lớn diện tích các khu rừng tự nhiên được xem xét đưa vào chiến lược khai thác và bảo tồn ở các cấp độ khác nhau.

Tiếp tục duy trì các khu bảo tồn hiện có, đồng thời quy hoạch xây dựng các khu bảo tồn mới, phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Điện Biên có 03 khu bảo tồn¹ với tổng diện tích 108.248 ha. Phấn đấu sau 2030, nghiên cứu thành lập khu dự trữ sinh quyển Điện Biên trên cơ sở liên kết Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu và Khu

¹ Khu Bảo tồn Mường Nhé; Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu; Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng.

Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng.

Bên cạnh việc quy hoạch các khu bảo tồn ĐDSH, tỉnh cần thiết lập hành lang ĐDSH nhằm kết nối các Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu và Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng. Đồng thời, xác định, lên phương án bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học cao, các khu vực đất ngập nước quan trọng, các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng.

b) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

Đề xuất phân vùng môi trường tỉnh Điện Biên theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Chia ra 2 tiểu vùng là tiểu vùng bảo tồn và Tiểu vùng bảo vệ có kiểm soát.

+ Tiểu vùng bảo tồn gồm: Khu Bảo tồn Mường Nhé; Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu; Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng; Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ; Vùng bảo vệ nguồn nước hồ cấp nước sinh hoạt; Vùng sinh thủy và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

+ Tiểu vùng bảo vệ có kiểm soát: Các đô thị loại II, III²; Phân khu dịch vụ hành chính các khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ thiên nhiên³.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Vùng đệm các khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ thiên nhiên⁴; Khu vực bảo vệ II Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ⁵; Hành lang bảo vệ nguồn nước các sông suối trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Hành lang đa dạng sinh học núi⁶; Rừng phòng hộ đầu nguồn Tiến hành bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và trồng rừng với loài cây đa dạng, đa tác dụng để vừa đảm bảo yêu cầu phòng hộ, vừa cho hiệu quả kinh tế trên các lưu vực các hồ chứa nước, thủy điện hoặc khu vực đất dốc; Các đô thị loại IV, loại V; Vùng trồng lúa nước hai vụ; Vùng nuôi trồng thủy sản.

c) Quan trắc môi trường đất, nước, không khí

- Môi trường không khí: Tổng số 40 điểm trạm trong đó có 35 vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh và 05 vị trí quan trắc môi trường khí thải (phù hợp quyết định số 5354/QĐ-UBND).

- Môi trường nước mặt lục địa: Tổng số 32 điểm trạm, trong đó có 02 trạm tự động: Sông Nậm Nứa và Hồ thủy lợi Nậm Khẩu Hú

- Môi trường nước dưới đất: Tổng số 32 vị trí quan trắc định kỳ;

- Môi trường đất: Tổng số 27 vị trí quan trắc định kỳ.

2. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

² Thành phố Điện Biên Phủ.

³ Phân khu dịch vụ hành chính Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé; Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu; Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng.

⁴ Vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé; Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu; Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng.

⁵ Khu vực bảo vệ II (19,58 ha) Khu di tích lịch sử Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ.

⁶ Kết nối các Khu Bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu; Khu Bảo tồn Pá Khoang-Mường Phăng.

a) Về thăm dò, khai thác khoáng sản

Khoanh định quy hoạch thăm dò, khai thác, chiến biên 74 khu vực mỏ, điểm mỏ khoáng sản (kể cả các khu vực đã cấp phép thăm dò), gồm 4 điểm mỏ than, 1 điểm chì kẽm, 1 khu vực đá vôi xi măng, 1 khu vực đá phiến lớp, 30 điểm đá xây dựng, 24 điểm mỏ cát sỏi, 6 điểm đất san lấp, 2 khu vực sét gạch ngói và 05 khu vực có khoáng sản quy mô nhỏ không có trong quy hoạch trung ương gồm 02 điểm nước khoáng và 03 khu vực khoáng sản than. Ngoài các khu vực đã quy hoạch, để đảm bảo có đủ nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu sau năm 2030 và các nhu cầu đột xuất, cần đầu tư điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đặc biệt là vật liệu san lấp, cát xây dựng, đất làm nguyên liệu sản xuất gạch), khoanh định bổ sung chi tiết các khu vực có khoáng sản đủ điều kiện hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh để quản lý, cấp phép thăm dò khai thác đáp ứng đủ nhu cầu cho từng giai đoạn.

Các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ chưa công bố, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét công bố để tỉnh quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định pháp luật khoáng sản.

b) Xác định các khu vực mỏ, điểm mỏ chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản.

Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, gồm: khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu vực rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, gồm: khu vực yêu cầu về quốc phòng, an ninh; bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

Các khu vực có khoáng sản chưa khai thác cần bảo vệ bao gồm các loại khoáng sản đã phát hiện thuộc diện Trung ương cấp phép thăm dò khai thác, chưa được đưa vào quy hoạch; các khu vực có khoáng sản thuộc dạng phân tán nhỏ lẻ nhưng chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) Nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) Nhu cầu nước cho thủy sản; (6) Nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ chất lượng nước

Xây dựng mạng quan trắc giám sát khai thác sử dụng TNN và xả thải: Nghiên cứu đề xuất xây dựng mạng tự động quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước trên các tiểu vùng, các sông suối chính, các hệ khai thác sử dụng nước và xả nước thải lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi; các khu đô thị... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong bảo vệ tài nguyên nước; các nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt.

Bảo vệ nguồn sinh thủy: Đẩy mạnh trồng rừng, nâng cao độ che phủ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt; ngăn chặn tình trạng khai thác nước mặt; quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ.

Xây dựng các công trình xử lý nước: với sông trong khu vực thành phố, thị trấn, cần tăng cường nạo vét; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung và phân tán.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ:

+ Tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ trong địa bàn tỉnh;

+ Xây dựng, vận hành hồ chứa nước phải có phương án đảm bảo an toàn công trình, phòng, chống lũ lụt cho những vùng xung quanh hợp lý.

+ Xây dựng các phương án di dân an toàn khỏi những vùng mưa lũ, sạt lở, đảm bảo đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả lũ lụt, trợ cấp cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng.

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của hạn hán:

Xây dựng các công trình chứa nước: đề nghị nâng cấp 02 hồ chứa, xây mới 09 hồ chứa, điều hòa nguồn nước cho mùa cạn.

Hỗ trợ cho việc xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phương án phòng chống thiên tai

Nâng cao nhận thức về thiên tai: Tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai, nguy cơ thiên tai, các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai;

Tăng cường cảnh báo, sẵn sàng ứng phó với lũ, lũ quét, sạt lở đất: Xây dựng hệ thống cảnh báo, theo dõi thiên tai, kết hợp với hệ thống thông tin liên lạc hiện có;

Rà soát, di dời, bố trí sắp xếp lại dân cư: Chủ động tổ chức việc di dời, bố trí sắp xếp lại dân cư đang sinh sống ở ven sông, suối; sườn đồi, núi; hạ lưu các hồ chứa; các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

Quản lý lòng dẫn, khu dân cư và rừng phòng hộ: Ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng lấn chiếm lòng sông, suối thu hẹp không gian thoát lũ;

Xây mới, đảm bảo an toàn hồ chứa tăng khả năng cất lũ: không tích nước đối với các hồ chứa không đảm bảo an toàn chống lũ; xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ điều hành và cảnh báo vận hành các nhà máy thủy điện;

Xây dựng kè mái chống sạt lở: do địa hình dốc, lòng dẫn bị bồi lấp do đó dòng chảy lũ luôn biến đổi, gây sạt lở;

Tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai: Nghiên cứu, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đổi thời vụ sản xuất thích ứng với thiên tai.

b) Biện pháp ứng phó với các loại hình thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu:

Biện pháp ứng phó với mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa hoặc dòng chảy: Chủ động sơ tán người, tài sản của nhà nước và nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng;

Biện pháp ứng phó với hạn hán: Quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, chống thất thoát nước; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống;

Biện pháp ứng phó với rét hại, sương muối: Triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng; nghiên cứu đề xuất giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt;

Biện pháp ứng phó với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá: Cập nhật kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo về thời tiết để chủ động phòng tránh, ứng phó với thiên tai nắng nóng, lốc, sét, mưa đá;

Biện pháp ứng phó với động đất: Khi nhận được tin động đất thông báo cho các cấp, các ngành căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với động đất tại địa phương.

VII. DANH MỤC ƯU TIÊN

Danh mục dự án đầu tư công, dự án ưu tiên thu hút đầu tư được xác định, phân kỳ đầu tư làm cơ sở triển khai, huy động nguồn lực thực hiện.

VIII. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển theo phương án chọn, đề xuất 08 nhóm giải pháp chủ yếu sau:

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021-2030: Theo phương án tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đã lựa chọn, dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2021-2030 khoảng 326 nghìn tỷ đồng. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Huy

động nguồn lực đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, điện, khu cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, trong đó huy động tối đa nguồn vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), vốn đầu tư tư nhân.

- Các giải pháp, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh: Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương; Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng; Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

3. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật nói chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải.

4. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội.

Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của các doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học công nghệ. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

5. Về chuyển đổi số

Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp, sản phẩm ocop, dược liệu: Triển khai các hoạt động thương mại điện tử nhằm hỗ trợ quảng bá, tiếp thị các sản phẩm nông sản của địa phương; ứng dụng các công nghệ IoT, BigData, Blockchain để phân tích, đánh giá môi trường; ứng dụng công nghệ GIS trong việc truy xuất nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm;

Chuyển đổi số ngành lâm nghiệp trồng rừng: ứng dụng công nghệ DND mã vạch trong quản lý giống lâm nghiệp và lâm sản, Ứng dụng công nghệ GIS và ảnh viễn thám trong việc phát hiện sớm và cảnh báo cháy rừng, mất rừng, suy thoái rừng...v.v.

Chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp: chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

Chuyển đổi số ngành du lịch: Số hóa dữ liệu các di sản, các điểm tham quan, làm nền tảng để ứng dụng các công nghệ hiện đại như 3600, VR, AR, AI, xây dựng bản đồ 3D các địa điểm tham quan, du lịch trên nền tảng GIS giúp đẩy mạnh quảng bá du lịch tỉnh Điện Biên.

Chuyển đổi số ngành giáo dục, y tế: Triển khai cầu truyền hình và nền tảng hỗ trợ hệ thống khám chữa bệnh từ xa Telehealth tại trạm y tế. Với Lĩnh vực giáo dục – đào: phát triển nền tảng hỗ trợ dạy học từ xa, số hóa tài liệu, giáo trình giảng dạy. Ứng dụng công nghệ số trong việc giao bài tập về nhà và kiểm tra bài vở của học sinh trước khi đến lớp...

6. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, bao gồm: Cơ chế, chính sách vùng động lực để thu hút đầu tư đối với các vùng là động lực, trung tâm thúc đẩy phát triển của tỉnh, của vùng và sự liên kết giữa vùng động lực với các vùng phụ trợ; Đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, điện, nước ... đối với các KCN, CCN, cụm tương hỗ để thu hút nhà đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh. Huy động, nâng cao chất lượng đô thị đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững, tạo sức hút, phát triển dịch vụ, thị trường bất động sản lành mạnh; Phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường như thu gom, chế biến rác thải, xử lý nước thải, sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường...; Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại, công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, chuyển đổi số, kinh tế số.

- Hợp tác với các tỉnh trong vùng và cả nước tạo cơ hội việc làm thu hút lao động, phát triển các ngành lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế như phát triển Du lịch, nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến...Thúc đẩy hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường.

7. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên – môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính

theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tiếp tục thực hiện tốt của Nhà nước, của địa phương về khu vực phòng thủ và công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm.

Công bố, phổ biến thông tin về quy hoạch và vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện quy hoạch. Triển khai xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch; Cụ thể hoá quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch.